

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 10 - 3 - 2023
*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự, vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng.

2. Ông Nguyễn Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Toà án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973, nơi cư trú: 79/34 A3, đường T3, phường 14, Quận X, thành phố HCM, có mặt;

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 12, khóm M, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Do quen biết nên khoảng tháng 10/2021, bà H có cho bà U vay 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 500.000 đồng/ngày nhưng bà U đóng lãi

không đầy đủ, có ngày đóng 500.000 đồng, có ngày chỉ đóng 200.000 đồng và có ngày thì không đóng nên bà **U** chỉ đóng lãi trung bình 200.000 đồng/ngày và đóng được 02 tháng, tổng cộng tiền lãi đã đóng là 12.000.000 đồng thì ngưng. Đến ngày 03/8/2022, bà **H** yêu cầu bà **U** phải ra công chứng để ký hợp đồng vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất, để bà **U** ký hợp đồng thì bà **H** đã cho bà **U** vay thêm 180.000.000 đồng nên theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà **H** và bà **U** đã chốt lại số nợ là 480.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 04 tháng (từ ngày 03/8/2022 đến ngày 03/12/2022), bà **H** giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **U**. Từ khi lập hợp đồng ngày 03/8/2022 đến nay, bà **U** không trả vốn gốc và lãi như thỏa thuận, bà **H** đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà **U** không thực hiện.

Do đó, bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **U** phải trả một lần toàn bộ số nợ vay 480.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng từ ngày 03/8/2022 cho đến khi Tòa án xét xử xong, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo khả năng thu hồi nợ.

*Theo bảng tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị **U** trình bày:*

- Theo bảng tự khai đề ngày 07/01/2023, bà Huỳnh Thị **U** trình bày: Khoảng tháng 02/2021, bà Đặng Thị Vốn (quan hệ bạn bè với bà **U**) có vay của bà **H** 300.000.000 đồng, lãi suất mỗi ngày đóng 500.000 đồng (5%/tháng, tương đương 60%/năm), bà Vốn đóng lãi từ tháng 02/2021 đến tháng 7/2022. Đến tháng 8/2022, lợi dụng bà **U** không hiểu biết pháp luật nên bà **H** đã về **K** để gặp bà **U**, yêu cầu làm giấy tờ và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **U**, đồng thời bà **U** không biết đó là công chứng. Do đó, bà **U** xác định không có vay 480.000.000 đồng của bà **H**, yêu cầu bà **H** phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **U**.

- Theo Biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2023, bà Huỳnh Thị **U** trình bày: Khoảng tháng 02/2021, bà **U** vay của bà **H** 300.000.000 đồng, mục đích vay để điều trị bệnh và mua bán, lãi suất 500.000 đồng/ngày, khi vay chỉ thỏa thuận miệng, không có lập giấy tờ và không thỏa thuận thời hạn vay, từ khi vay bà **U** đóng lãi được 15 tháng (từ tháng 02/2021 đến tháng 7/2022) thì ngưng đóng lãi, tổng cộng tiền lãi là 225.000.000 đồng, khi đóng lãi không có lập biên nhận, mỗi ngày bà **H** đến chỗ sạp bà **U** buôn bán để thu tiền.

Đến ngày 03/8/2022, bà **U** lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bà **H**, nội dung vay 480.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng và giao bà **H** giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi lập hợp đồng vốn vay 480.000.000 đồng là do bà **H** tính luôn tiền lãi vào vốn vay. Bà **U** đồng ý trả số nợ 480.000.000 đồng cho bà **H**, không có ý kiến đối với số tiền lãi đã đóng

nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tiếp tục tính lãi. Nếu bà **H** không đồng ý thì bà **U** xin thời hạn 06 tháng để bán phần đất nêu trên để trả nợ cho bà **H**.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự, bà **H**, bà **U** thống nhất nợ vay 480.000.000 đồng, bà **U** xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng bà **H** không đồng ý nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bà **H** yêu cầu trả một lần toàn bộ số nợ 480.000.000 đồng, bà **U** xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tiếp tục tính lãi, đồng thời các bên thống nhất sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **U** khi đã thanh toán hết toàn bộ số nợ.

Ngoài ra, các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không có tài liệu, chứng cứ mới để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Nguyên đơn (bà **H**) khởi kiện yêu cầu bị đơn (bà **U**) trả một lần bộ số nợ vay 480.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Quá trình thực hiện, bà **U** trả lãi được được 02 tháng trung bình mỗi ngày 200.000 đồng, tổng cộng 12.000.000 đồng. Bị đơn bà **U** thống nhất các khoản vay, hiện còn nợ số tiền vốn như bà **H** trình bày. Tuy nhiên, bà **U** không thống nhất số tiền lãi mà đã đóng như bà **H** trình bày, cho rằng đã đóng lãi được 225.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần 10.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ và xin không tính lãi.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên là tự nguyện, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ bị đơn đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi là có căn cứ.

Đối với việc bà **U** xin trả dần 10.000.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ và xin không tính lãi, không được phía nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

Đối với việc bị đơn cho rằng đã đóng lãi cho nguyên đơn được 225.000.000 đồng (500.000 đồng/ngày, với số tiền vốn ban đầu 300.000.000 đồng) và việc trả tiền lãi là cao hơn so với quy định pháp luật tại Điều 468 BLDS 2015 (20%/năm). Tuy nhiên, việc trả lãi như bị đơn nêu không được nguyên đơn thừa nhận, ngoài lời khai của bị đơn thì không còn chứng cứ khác để chứng minh bị đơn đã trả lãi như trình bày, để xem xét khấu trừ vào vốn vay.

Theo nội dung khởi kiện, bà **H** yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo khả năng thu hồi nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bà **H** rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc bà **H** rút lại một phần yêu cầu là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần đình chỉ.

Từ phân tích trên, căn cứ vào các Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 480.000.000 đồng và lãi suất theo mức 1,5%/tháng tính từ ngày 03/8/2022 và đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ việc:* Bà Nguyễn Thị Kim **H** khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị **U** trả nợ vay. Bị đơn bà **U** có nơi cư trú tại tổ 12, khóm **M**, phường **V**, thành phố **K**, tỉnh An Giang nên yêu cầu kiện khởi kiện của bà **H** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố **K** theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tư cách tham gia tố tụng trong vụ án:* Theo Bảng tự khai ngày 07/01/2023, bà **U** cho rằng không có vay tiền của bà **H**, mà do bà Đặng Thị Vốn vay tiền của bà **H** và có yêu cầu đưa bà Vốn tham gia vụ án. Ngày 09/01/2023 và 22/02/2023, bà **U** có lời khai thừa nhận có vay tiền của bà **H**. Đồng thời, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất lập ngày 03/8/2022 thể hiện chỉ có bà **H** và bà **U** tham gia giao kết hợp đồng, không đề cập đến bà Vốn. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Tòa án không đưa bà Vốn vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] *Về phạm vi yêu cầu khởi kiện:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **H** rút lại yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo khả năng thu hồi nợ nên Tòa án chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Về vốn vay: Bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **U** trả vốn vay 480.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký ngày 03/8/2022 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ, thành phố **K**.

Theo Bảng tự khai ngày 07/01/2023 (bút lục số 17) bà **U** cho rằng không có vay tiền của bà **H**, mà do bà Đặng Thị Vốn vay 300.000.000 đồng, lợi dụng bà **U** không hiểu biết nên tháng 8/2022 bà **H** bắt bà **U** ký hợp đồng công chứng và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà **U**. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2023 (bút lục số 18), Biên bản đối chất ngày 22/02/2023 (bút lục số 33) và Biên bản hòa giải ngày 22/02/2023 (bút lục số 34,35), bà **U** lại thừa nhận có vay 300.000.000 đồng của bà **H**, thời gian vay từ tháng 02/2021, sau đó có vay thêm nhiều lần từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng và đến ngày 03/8/2022, bà **U** ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để chốt lại số nợ 480.000.000 đồng.

Như vậy, lời khai của bà **U** có sự mâu thuẫn với nhau, bà **U** cho rằng không vay tiền của bà **H** nhưng ngày 03/8/2022 lại cùng bà **H** đến Văn phòng công chứng để lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **H** giữ. Đồng thời, tại Biên bản đối chất ngày 22/02/2023, bà **U** xác định chữ viết và dấu lấn tay trong hợp đồng là của bà **U** và Công chứng viên có đọc lại nội dung cho bà **U** nghe. Mặt khác, bà **U** cho rằng chỉ vay 300.000.000 đồng, số nợ 480.000.000 đồng là từ việc lãi nhập vào vốn và bà **U** khai đóng lãi từ tháng 02/2021 đến tháng 07/2022, mỗi ngày đóng 500.000 đồng, tổng cộng tiền lãi đã đóng là 225.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà **U** không giải thích và đưa ra được tài liệu, chứng cứ vì sao đóng lãi đầy đủ nhưng lại chấp nhận ký vào hợp đồng số vốn vay 480.000.000 đồng. Ngoài ra, bà **U** thừa nhận có vay 480.000.000 đồng của bà **H**, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bà **H** và bà **U** giao kết hợp đồng vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội, các bên tham gia đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bà **U** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà **H** khởi kiện yêu cầu trả nợ vay 480.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, xét chấp nhận.

[2] Về lãi suất vay: Các đương sự xác định lãi suất vay là 500.000 đồng/ngày đối với vốn vay 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H cho rằng từ thời điểm vay vào tháng 10/2021, bà U đóng lãi không đầy đủ, có ngày đóng 500.000 đồng, ngày đóng 200.000 đồng, có ngày không đóng nên chỉ thừa nhận trung bình bà U đóng lãi được 200.000 đồng/ngày và tổng cộng đóng được 02 tháng là 12.000.000 đồng thì ngưng và từ ngày 03/8/2022 khi lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để chốt số nợ 480.000.000 đồng cho đến nay, bà U vẫn không đóng lãi. Bà U cho rằng đã đóng lãi được 15 tháng (từ tháng 02/2021 đến tháng 07/2022), tổng cộng đóng lãi được 225.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét khấu trừ vào vốn vay.

Xét thấy, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 03/8/2022 đối với số vay 480.000.000 đồng, theo lãi suất 1,5%/tháng, không tính lãi đối với thời gian vay trước đó là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS nên xét chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: từ ngày 03/8/2022 đến ngày 10/3/2023 (tức 07 tháng 07 ngày): $480.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 52.080.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm được xác định là: $480.000.000 \text{ đồng} + 52.080.000 \text{ đồng} = 532.080.000 \text{ đồng}$. Buộc bà U có trách nhiệm trả cho bà H số tiền gốc và lãi là 532.080.000 đồng.

[3] Về việc thế chấp tài sản: Để đảm bảo số tiền vay 480.000.000 đồng bà U đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/8/2023, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ. Theo đó nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Theo đơn khởi kiện bà H có yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà H đã rút lại yêu cầu này. Thấy rằng, việc thế chấp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, tuy nhiên các bên không đăng ký thế chấp theo quy định và nguyên đơn đã rút lại yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Đồng thời, các bên thống nhất sẽ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bà U trả dứt nợ là phù hợp, xét ghi nhận.

[4] Về phương thức thanh toán: Bà U xin được trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 480.000.000 đồng và xin không tính lãi. Việc xin trả nợ dần không được bà H đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, phương thức thanh toán sẽ tiếp tục được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim **H**.

Buộc bà Huỳnh Thị **U** có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim **H** số tiền 532.080.000 (*năm trăm ba mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Kim **H** trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H2480cE ngày 15/01/2008 cho bà Huỳnh Thị **U** sau khi đã trả dứt nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với:

Yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/8/2023, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công Trứ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim **H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà **H** số tiền 11.600.000 (*mười một triệu sáu trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002950 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Huỳnh Thị **U** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 25.283.000 (*hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi ba nghìn*) đồng

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Võ Đại Nam